TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đắc Thắng.

Ông Đỗ Viết Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Phương T, sinh năm 1981 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1978 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Phương T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Trần Minh Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1997 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G (nay là huyện T) vào năm 2002. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng làm ăn thua lỗ, chị T bị bệnh nhưng vợ chồng không quan tâm nhau, mặt khác anh Đ lại thường xuyên nhậu nhẹt nhưng chị T khuyên can không có kết quả. Do đó, mâu thuẫn kéo dài đến

năm 2014, anh chị không hàn gắn được tình cảm và đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị T và anh Đ có 04 con chung là cháu Trần Minh L, sinh ngày 24/02/2001, cháu Trần Thị Phương T1, sinh ngày 07/11/2002, cháu Trần Thị Minh T2, sinh ngày 09/7/2007 và cháu Trần Thị Ngọc T3, sinh ngày 01/9/2012. Hiện tại cháu L đã trưởng thành, cháu T1 và cháu T3 đang sống chung với chị T, riêng cháu T2 đang sống chung với anh Đ. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu T3, giao cháu T2 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị T không còn yêu cầu gì khác.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn anh Trần Minh Đ trình bày:

Anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T. Tuy nhiên, nguyên nhâu mâu thuẫn hôn nhân là do chị T cứ thường xuyên đi chùa, không chăm lo cuộc sống gia đình, anh Đ khuyên can không có kết quả thậm chí còn phát sinh cãi vả. Anh Đ và chị T không thể hàn gắn tình cảm và đã sống ly thân 05 – 06 năm nay. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn, anh Đ đồng ý.

- Về con chung: Anh Đ thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị T. Cháu L đã trưởng thành, anh Đ không có yêu cầu gì. Anh Đ đồng ý giao cháu T1 và cháu T3 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh Đ không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Phương T.

+ Về con chung: Cháu L đã trưởng thành, chị T và anh Đ không có yêu cầu nên không xem xét. Giao cháu T1 và cháu T3 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T2 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Phương T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh Đ và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đ có nơi cư trú tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Anh Trần Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh Đ chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Phú Thạnh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01, ngày 10/4/2002. Tại mục ký và ghi rõ họ tên chồng và vợ anh Đ và chị T chưa ký tên, anh Đ và chị T cùng trình bày anh chị không biết nội dung này. Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P cho thấy mặc dù anh chị chưa ký tên nhưng hôn nhân của anh chị vẫn hợp pháp bởi vì thủ tục kết hôn phù hợp với quy định pháp luật, được lưu tại sổ bộ tại Ủy ban nhân dân xã P. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của anh Đ và chị T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị T và anh Đ xảy ra mâu thuẫn kéo dài. Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng làm ăn thu lỗ, chị bị bệnh nhưng không được anh Đ quan tâm hơn nữa anh Đ lại thường xuyên nhậu nhẹt. Giữa chị T và anh Đ không tự hàn gắn được và đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Anh Đ thừa nhận mâu thuẫn tồn tại giữa anh và chị T, nguyên nhân anh cho rằng do chị T không quan tâm gia đình, đi chùa thường xuyên nhưng anh khuyên can không có kết quả.

Thấy rằng, giữa chị T và anh Đ không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh Đ có 04 con chung là cháu Trần Minh L, sinh ngày 24/02/2001, cháu Trần Thị Phương T1, sinh ngày 07/11/2002, cháu Trần Thị Minh T2, sinh ngày 09/7/2007 và cháu Trần Thị Ngọc T3, sinh ngày 01/9/2012. Hiện tại cháu L đã trưởng thành, cháu T1 và cháu T3 đang sống chung với chị T, riêng cháu T2 đang sống chung với anh Đ. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu T3, giao cháu T2 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại cháu L đã trưởng thành chị T và anh Đ đều không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu T1 và cháu T3 đang sống chung với chị T, cháu T2 đang sống chung với anh Đ, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của các cháu nên cần thiết giao T1 và cháu T3 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T2 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Nếu sau này chị T và anh Đ có thay đổi hoàn cảnh và có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Phương T, chị T được ly hôn với anh Trần Minh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Phương T1, sinh ngày 07/11/2002 và cháu Trần Thị Ngọc T3, sinh ngày 01/9/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Thị Minh T2, sinh ngày 09/7/2007 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T và anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 49479 ngày 10/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị T đã nộp xong án phí.

Anh Đ không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm